

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai họp ngày 21/5/2021 tại UBND tỉnh Lào Cai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 1024/CVMT của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ (chủ đầu tư);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 322/TTr-STNMT ngày 03/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là dự án) của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ (sau đây gọi là Chủ

dự án) thực hiện tại phường Bắc Cường và phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã nêu trong báo cáo ĐTM và những yêu cầu bắt buộc sau:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, PCT2;
- Phòng PC05 - CA tỉnh;
- UBND thành phố Lào Cai;
- Chi cục BVMT (02 bản);
- Các thành viên HĐTĐ (09 bản)
(do Sở TN&MT gửi);
- Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ;
- PCVP2;
- Lưu VT, KT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Hải

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Xây dựng khu nhà ở thương mại và các công trình hỗn hợp – dịch vụ, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường, thành phố Lào Cai.

1.2. Chủ dự án

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ

- Địa chỉ: 2A Phạm Sư Mạnh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Điện thoại: 0243.826.6577

- Đại diện: Ông Vũ Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc

1.3. Vị trí dự án:

Dự án nằm trên địa bàn phường Bắc Cường và Nam Cường, thành phố Lào Cai, có tổng diện tích đất 76.654 m², (được chia làm 04 khu vực: Khu số 01 diện tích 9.348,6 m²; Khu số 02: 51.317,4 m²; Khu số 03: 7.758 m²; Khu số 04: 8.230 m², bao gồm các loại đất: Đất trụ sở khối các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường, đất đã được giải phóng mặt bằng và san gạt mặt bằnghoàn thiện). Toạ độ khép góc được thể hiện trong bảng sau:

Bảng tọa độ vị trí các khu đất dự án theo hệ tọa độ VN2000

	Y	X	Tên mốc	Y	X
Khu đất số 1			Khu đất số 2		
1	2484835.457	421711.73	1	2484360.07	422016.28
2	2484840.73	421720.04	2	2484597.26	421864.36
3	2484872.52	421773.22	3	2484645.66	421880.17
4	2484825.89	421804.54	4	2484666.61	421912.61
5	2484777.53	421833.51	5	2484664.21	421968.64
6	2484737.73	421773.59	6	2484535.80	422083.99
7	2484786.72	421742.69	7	2484442.03	422159.19
			8	2484336.27	422030.31
Khu đất số 3			Khu đất số 4		
1	2484165.46	422197.42	1	2484301.26	422109.89
2	2484144.40	422158.02	2	2483963.20	422280.25
3	2484144.40	422158.02	3	2484123.12	422169.26
4	2484301.26	422109.89	4	2484145.75	422200.61

Ranh giới tiếp giáp của dự án:

Khu đất số 1: 9.348 m²

- Phía Bắc giáp khu đất Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng Tỉnh Lào Cai.

- Phía Nam giáp đại lộ Trần Hưng Đạo.
- Phía Đông giáp khu đất công ty TNHH Apatit.
- Phía Tây giáp lối đi vào chính của khu đất Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng.

Khu đất số 2: 51.317 m²

- Phía Bắc giáp đất đồi núi hiện trạng.
- Phía Nam giáp đại lộ Trần Hưng Đạo.
- Phía Đông giáp khu đất Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Lào Cai.
- Phía Tây giáp khu đất Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam.

Khu đất số 3: 7.758 m²

- Phía Bắc giáp đại lộ Trần Hưng Đạo.
- Phía Nam giáp khu đất trụ sở Cục Hải Quan tỉnh Lào Cai.
- Phía Đông giáp khu số 03.
- Phía Tây giáp khu đất Sở Tài Chính.

Khu đất số 4: 8.230 m²

- Phía Bắc giáp đại lộ Trần Hưng Đạo.
- Phía Nam giáp khu đất trụ sở Cục Hải Quan tỉnh Lào Cai.
- Phía Đông giáp khu Dịch vụ.
- Phía Tây giáp lô đất số 02.

1.4. Quy mô:

+ Công trình trên đất tại lô số 01: Đầu tư xây dựng 2 công trình chung cư – Dịch vụ thương mại với chiều cao tầng: 17 tầng nổi, 03 tầng hầm, mật độ xây dựng 58,3%. Tổng diện tích sàn dự kiến 41.200,04 m² (trong đó chức năng ở chiếm 55% tổng diện tích sàn sử dụng, chức năng thương mại chiếm 30% tổng diện tích sàn sử dụng, còn lại là chức năng hạ tầng kỹ thuật khác).

+ Công trình tại lô đất số 02:

++ Đầu tư xây dựng 88 căn nhà ở thấp tầng (56 căn shophouse, 32 căn liền kề), chiều cao xây dựng 5 tầng, không quá 18,5m; Tổng diện tích sàn dự kiến 37.944,19m²

++ Đầu tư xây dựng 01 công trình Hỗn hợp – dịch vụ chiều cao 45 tầng (gồm 05 tầng khối đế, 40 tầng khối tháp) chiều cao tối đa không quá 180m. Tổng diện tích sàn dự kiến 211.648,55 m² (trong đó chức năng ở chiếm khoảng 50% tổng diện tích sàn sử dụng; chức năng dịch vụ thương mại, tài chính, khách sạn chiếm khoảng 35% tổng diện tích sàn sử dụng; còn lại là chức năng hạ tầng kỹ thuật khác).

+ Công trình tại lô đất số 03: Đầu tư xây dựng 26 căn nhà ở thấp tầng shophouse, chiều cao xây dựng không quá 05 tầng, tối đa không quá 18,5m. Tổng diện tích sàn dự kiến 17.713,5 m²

+ Công trình tại lô đất số 04: Đầu tư xây dựng 33 căn nhà ở thấp tầng shophouse, chiều cao xây dựng không quá 05 tầng, tối đa không quá 18,5m. Tổng diện tích sàn dự kiến 15.657,13 m²

- Quy mô dân số dự kiến: 7.332 người.

(Quy mô của dự án được thể hiện chi tiết theo báo cáo ĐTM)

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng

2.1.1. Các tác động môi trường chính

- Tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng bao gồm: Tác động của việc chiếm dụng đất; phát sinh bụi, khí thải và chất thải rắn từ quá trình dọn mặt bằng. Các tác động không liên quan đến chất thải bao gồm: Tiếng ồn, độ rung, tác động suy giảm hệ sinh thái, cảnh quan và tác động tới kinh tế, xã hội.

- Tác động của hoạt động xây dựng bao gồm: Tác động của bụi và khí thải từ đào đắp san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục công trình, khí thải công đoạn hàn xì, máy phát điện, sơn hoàn thiện; nước mưa chảy tràn trên công trường, nước thải xây dựng và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công; rác thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại. Các tác động không liên quan đến chất thải bao gồm: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị thi công; tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

- Tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố do tai biến thiên nhiên, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm.

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải

*** Nước thải sinh hoạt**

- Thành phần: TSS, BOD₅, COD, NO₃⁻, PO₄³⁻ và các vi sinh vật gây bệnh.

- Khối lượng: 15 m³/ngày.

*** Nước thải thi công**

- Nước thải phát sinh từ hoạt động đào móng: Ước tính 1-2 m³/ngày đối với những ngày có mưa.

- Thành phần: Chủ yếu là chất rắn lơ lửng, cặn đất, cát...

*** Nước mưa chảy tràn**

- Tải lượng chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn là 3,7 kg trên toàn bộ diện tích dự án 76.653 m² trong thời gian 15 phút tích tụ

- Thành phần: Chất bẩn, đất cát rơi vãi trên mặt bằng dự án.

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công đào đắp, hoạt động của các thiết bị thi công, vận chuyển nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu là: NO₂, SO₂, CO, HC.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

*** Chất thải rắn xây dựng**

Chất thải rắn xây dựng gồm: Sinh khối phát dọn mặt bằng; đất đá từ hoạt động đào đắp; phế thải dự tính 1.122,499 m³. Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng công trình và từ trạm trộn bê tông. Thành phần các loại chất thải này đa dạng như cành lá, gỗ vụn, gạch, đá vỡ, xà bần, gỗ coffa, sắt thép vụn, vữa bê tông... Chất thải rắn xây dựng khoảng 50 kg/ngày.

** Chất thải rắn sinh hoạt*

Trong quá trình thi công xây dựng, tại công trường có khoảng 150 công nhân. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 75 kg/ngày. Thành phần loại chất thải này gồm chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,...

2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

Trong quá trình thi công, CTNH phát sinh từ quá trình hàn xì, sơn chống gỉ kết cấu, sơn tường công trình,.... Dự án không tiến hành bảo dưỡng thay dầu tại công trường mà được các nhà thầu bảo dưỡng tại các gara chuyên nghiệp nên dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu phát sinh không nhiều. CTNH phát sinh khoảng 714,6 kg trong toàn bộ quá trình thi công...

2.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong quá trình vận hành dự án

2.2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Ô nhiễm không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng do: Hoạt động của các phương tiện giao thông, hoạt động nấu ăn, hoạt động của máy phát điện dự phòng. Ô nhiễm môi trường nước do: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn. Tác động của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại tác động đến môi trường.

- Các sự cố, rủi ro trong quá trình vận hành: Do cháy nổ, do công trình xuống cấp, do thiên tai....

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

** Nước thải sinh hoạt*

- Thành phần:

+ Nước thải khu vệ sinh bao gồm nước thải xí tiểu và nước rửa tay chân: Chủ yếu chứa các chất ô nhiễm như: COD, BOD₅, Nitơ, photpho và một số loại vi sinh vật.

+ Nước thải nhà bếp: Chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ (COD; BOD₅), dầu mỡ, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao.

- Tải lượng: 1.802 m³/ng.đ.

** Nước mưa chảy tràn:*

- Thành phần: Chất rắn lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi.

Tuy nhiên, đa phần diện tích dự án đã được bê tông hóa, do đó thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thấp.

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông (ô tô, xe máy) ra vào dự án, hoạt động nấu ăn; máy phát điện, hệ thống thu gom lưu giữ chất thải rắn. thành phần ô nhiễm chính: Bụi lơ lửng, CO, NO₂ và SO₂, C_xH_y.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Khối lượng: 3.666 kg/ng.đ.

-Thành phần: Bao gồm cả chất thải vô cơ như bao, bì nylon, chất thải hữu cơ như thức ăn dư thừa,...

2.2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Thành phần: Quá trình hoạt động dự án sẽ cần phải thay thế, bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy móc, thiết bị. Các loại CTNH phát sinh trong giai đoạn này bao gồm như dầu mỡ thải, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, các loại bóng đèn cháy, pin, ắc quy, linh kiện điện tử...

- Khối lượng ước tính khoảng 200 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Các công trình và biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt**

Trang bị 07 nhà vệ sinh lưu động hai buồng có dung tích thùng chứa 1.000 lít đặt tại khu vực lán trại công nhân trên công trường thi công. Chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

*** Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải xây dựng**

- Xây dựng hệ thống rãnh thu, hố thu tạm thời gần khu vực thi công: Kích thước hố thu (rộng x độ sâu) = 0,4x0,4m; Kích thước hố thu: 1x1x1,2m, ước tính khoảng 20 hố thu. Chiều dài rãnh thoát nước khoảng 300m.

- Không thực hiện thay dầu hay sửa chữa tại khu vực thi công để hạn chế sự rơi vãi của các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường nước. Không bố trí rửa xe tại công trường.

- Thường xuyên tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống rãnh thu, hố lắng đảm bảo thoát nước trong quá trình thi công, định kỳ 1 tuần/lần.

3.1.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Làm ẩm khu vực có khả năng phát tán bụi khi tiến hành đào đắp các hạng mục công trình của dự án.

- Quay tôn cao 2,5m tại khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo, Q5, Cao Xuân Quế, đường đi vào Cục Hải quan tỉnh

- Các xe vận chuyển được che chắn cẩn thận và tường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm tra định kỳ.

- Bố trí đội vệ sinh quét dọn công trường sau mỗi ngày làm việc.

- Tiến hành phun nước dập bụi trên các tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công (Trần Hưng Đạo, Võ Kim, Trần Phú, đường vào bãi thải), tần suất 2 lần/ngày và 4 lần/ngày những hôm thời tiết hanh khô. Có biện pháp rửa đường khi cần thiết.

- Có kế hoạch và phương án thi công hợp lý, không tập trung thi công cùng lúc nhiều máy móc tại một vị trí. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường:

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được phân loại theo Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 29/12/2015. CTR sinh hoạt của công nhân được thu gom bằng các thùng chứa rác bằng nhựa HDPE, có nắp đậy và bánh xe, dung tích 100 lít, bố trí tại khu vực lán trại, nhà vệ sinh di động,...

*** Đối với chất thải rắn xây dựng:**

Khối lượng đất đào đắp được tận dụng để đắp tại chỗ trong phạm vi dự án và đổ thải tại 01 vị trí đổ thải được Sở Giao thông vận tải – Xây dựng giới thiệu.

Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng được phân loại và xử lý thích hợp: Cốt pha gỗ thu gom bán làm chất đốt, gạch vụn và vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho san lấp mặt bằng, vỏ bao bì xi măng, sắt thép vụn thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Ngoài ra, Chủ dự án chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt để giảm tạp chất, vật liệu hỏng; Sử dụng các loại xe vận chuyển có chất lượng tốt và phải có bạt che tránh rơi vãi.

Bố trí cầu rửa xe bằng vòi xịt áp lực cao để đưa trôi đất cát, chất thải trước khi cho xe tải vận chuyển nguyên vật liệu hoặc vận chuyển đất đá thải.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được quản lý và xử lý theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý CTNH. Thực hiện phân loại và lưu trữ tạm thời tất cả các loại chất thải nguy hại có chứa trong các thùng chứa riêng biệt dung tích 100 lít có nhãn CTNH và lưu trữ tại khu vực kho tạm thời diện tích 10m² tận dụng nhà để xe của khối các cơ quan Tài Nguyên và môi trường cũ. Vị trí kho chứa CTNH: Gần kho tập kết nguyên, vật liệu. Toàn bộ CTNH phát sinh được chủ dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng trên địa bàn tỉnh Lào Cai hoặc các tỉnh lân cận đưa đi xử lý.

3.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

*** Đối với nước mưa chảy tràn:**

- Hướng thoát nước chính là thoát về phía đại lộ Trần Hưng Đạo, đã có bố trí tuyến cống thu gom chính.

- Hệ thống thoát nước thiết kế là hệ thống thoát nước riêng, được thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Đối với các khu vực xây mới trong phạm vi dự án, nước được thu gom vào các tuyến cống D300 đến D600 đặt theo cấu tạo của đường sau đó đầu nối vào mạng lưới thoát nước vào mạng lưới thoát nước theo quy hoạch chung.

- Nước mưa từ các công trình xây dựng, mặt đường, cảnh quan v.v... được dồn về các ga thu nước rồi chảy vào cống chính trên mạng lưới thoát nước chung bố trí dọc theo đường.

- Trên tuyến thiết kế hệ thống ga thu, ga thăm bằng bê tông cốt thép kiên cố. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành

*** Đối với nước thải**

- Đối với các khối nhà liền kề, shophouse thấp tầng: Nước thải sinh hoạt của mỗi hộ gia đình được làm sạch sơ bộ bằng bể tự hoại tiêu chuẩn sau đó mới được phép chảy vào hệ thống cống gom chôn tại các vỉa hè theo các tuyến phố sau đó đổ vào hố ga (giếng tách) của tuyến cống thoát nước chính tại đại lộ Trần Hưng Đạo.

- Đối với nước thải sinh hoạt từ các khối nhà hỗn hợp, dịch vụ cao tầng: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, nhà hàng, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ nằm trong các tòa nhà sẽ được thu gom tập trung và được xử lý qua các hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng bên dưới tầng hầm các tòa nhà.

Tại khu đất số 01 xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ ngày đêm.

Tại khu đất số 02 xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1150m³/ ngày đêm.

Vị trí xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống xử lý nước thải là tại tầng hầm của các khối nhà cao tầng.

- Nước thải nhà bếp: Xử lý bằng bể tách dầu mỡ trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải bản riêng của khu vực dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi đất và khí thải từ hoạt động giao thông:

+ Trồng cây xanh, cảnh quan.

+ Khi thời tiết khô nóng, mặt đường giao thông nội bộ sẽ được vệ sinh và phun nước tưới thường xuyên.

+ Bố trí vị trí và diện tích bãi đỗ xe phù hợp: các công trình đều có chỗ đỗ xe riêng theo thiết kế. Ngoài ra bố trí bãi đỗ xe công cộng trong tầng hầm của các khối nhà của khu đô thị.

- Bố trí hệ thống hút mùi, thông gió tại khu vực bếp nấu; sử dụng nguyên liệu gas đạt chất lượng để hạn chế phát sinh khí thải và giảm thiểu rủi ro cháy nổ.

*** Biện pháp giảm thiểu, khống chế mùi hôi**

- Thường xuyên dọn dẹp hệ thống cống rãnh thoát nước, định kỳ nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước, bể tự hoại; bố trí hệ thống thông gió, quạt hút mùi tại khu vệ sinh.

- Thu gom rác thải hàng ngày và lưu chứa rác thải trong thùng kín. Rác thải sau khi thu gom từ các nguồn phát sinh được tập kết tại khu vực dự kiến xây tòa nhà hỗn hợp. Sau đó, thuê đơn vị thu gom vận chuyển định kỳ 2 ngày/lần, không tồn lưu tại khu vực dự án trong thời gian dài.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khu lưu chứa rác thải sau khi xe thu gom vận chuyển rác đi khỏi.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với các khu vực nhà Liên kết, shop house

- Hợp đồng thuê công ty CP Môi trường đô thị Lào Cai sử dụng các xe đẩy đến từng hộ gia đình để thu gom và vận chuyển từ các hộ gia đình hoặc các thùng rác tập trung được bố trí trong khu vực khu dân cư. Tần suất thu gom 02 lần/ngày.

b. Đối với các khối chung cư, hỗn hợp dịch vụ cao tầng:

Đối với các Tòa nhà hỗn hợp dịch vụ tại Khu đất số 01 và 02: Từng hộ dân sẽ mang rác ra để vào thùng đựng rác đã được quy định tại phòng chứa rác tại từng tầng sau đó nhân viên vệ sinh sẽ đẩy các thùng vào thang máy tải xuống tầng hầm.

Thang tải rác sẽ sử dụng Loại thang máy được thiết kế riêng cho vận chuyển rác: Tải trọng 500 kg, tốc độ từ 30m/ph – 45m/ph.

Buồng tập kết rác được bố trí tại tầng hầm của các tòa nhà, diện tích dự kiến 20m², phải có chiều cao thông thủy không dưới 2,5 m và có cửa mở ra ngoài để phục vụ việc thu gom rác; Buồng chứa rác phải có cửa cách ly với lối vào nhà bằng tường đặc và được ngăn với các bộ phận khác của nhà bằng tường ngăn cháy (có giới hạn chịu lửa không thấp hơn REI 60); Phải có hệ thống thông gió; Có hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động.

Buồng chứa rác phải có hố thu và đường ống dẫn nước bẩn vào hệ thống thoát nước thải chung của nhà, cũng như có lối vào riêng phục vụ việc chuyên chở rác.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại:

Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 06 m² được bố trí riêng tại khu đất quy hoạch cùng với khu tập kết rác sinh hoạt chung của dự án. Kho được thiết kế phù hợp với phương án phòng cháy, rò rỉ, tràn đổ và bảo đảm tách riêng các chất không tương thích như đã quy định trong TCVN 2622:1978. Các chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các loại bao gói, thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn chất thải theo quy định và phân loại dựa theo tính nguy hại gây ra cho sức khỏe con người và môi trường.

Chủ dự án ký hợp đồng vận chuyển với đơn vị chức năng xử lý để thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại nói trên theo đúng qui định hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

*** Sự cố cháy nổ:**

Dự án bố trí hệ thống PCCC cho công trình gồm:

- Hệ thống hút khói.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong bao gồm:
 - + Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường.

- + Hệ thống chữa cháy tự động.
- Trụ nước chữa cháy ngoài nhà.
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

** Sự cố giao thông:*

Lắp đặt biển báo tốc độ, gờ giảm tốc tại khu vực công vào dự án và khu vực bãi đỗ xe. Phân chia vị trí để xe hợp lý, tách riêng khu vực để xe máy và ô tô để giảm thiểu va chạm khi quay đầu, lùi các phương tiện ô tô cỡ lớn.

Đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố như sự cố về vệ sinh, an toàn thực phẩm, dịch bệnh, an ninh xã hội...

3.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

a) Phòng ngừa sụt lún, sạt lở

Hiện trạng khu vực thực hiện dự án có các vị trí có taluy cao hiện trạng. Để đảm bảo mặt cảnh quan và chống lại sự ảnh hưởng của thời tiết đến các mái kè này. Tiến hành gia cố bề mặt kè bằng lớp phủ bằng vật liệu ô lưới Geocel bảo vệ mái dốc, kết hợp trồng cây xanh, cỏ phủ xanh kết cấu mái taluy để tạo cảnh quan mềm, hài hòa với thiên nhiên.

b) Sự cố ngập úng cục bộ

Quy hoạch thoát nước mưa ứng với tần suất mưa từ 10 - 100 năm đảm bảo an toàn phòng ngừa úng ngập cho Dự án.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát môi trường không khí xung quanh*

- Vị trí: 3 điểm trong khu vực thi công.
- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, ẩm độ, tốc độ gió, hướng gió, Bụi, NO_x, SO₂, CO, độ ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT.

** Giám sát nước thải*

- Vị trí: 02 vị trí tại điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận của khu vực.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, NH₄⁺, NO₃⁻, BOD₅, TSS, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻, Coliform, Tổng chất rắn hòa tan.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT.

** Giám sát khác:*

Giám sát việc thu gom, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giám sát môi trường sinh thái, giám sát hiện tượng sụt lún, sạt lở... sẽ được cán bộ kiêm nhiệm về quản lý môi trường theo dõi hàng ngày.

4.2. Giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

** Giám sát nước thải*

- Vị trí: tại 01 điểm tại vị trí đầu nổi nước thải của dự án hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, Cl⁻, NO₃⁻, NO₂⁻, PO₄³⁻, Các chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT.

* *Giám sát khác:*

Giám sát việc thu gom, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, giám sát hiện tượng sụt lún, sạt lở, PCCC, an toàn vệ sinh thực phẩm,... diễn ra trong toàn bộ quá trình vận hành.

5. Các điều kiện liên quan đến môi trường

- Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình BVMT, thực hiện nghiêm túc các biện pháp BVMT, ứng phó với sự cố trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai dự án, nếu phát sinh các loại, lượng chất thải ngoài danh mục đánh giá trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, chủ dự án phải tiến hành các biện pháp quản lý, xử lý bổ sung theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải sau xử lý đạt Quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng hiện hành trước khi đưa ra ngoài môi trường tiếp nhận.

- Đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý, xây dựng, duy trì vận hành các công trình, biện pháp BVMT.

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Lào Cai trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án đi vào vận hành chính thức.

- Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố.

- Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật BVMT phải báo cáo bằng văn bản và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh Lào Cai.

- Chủ dự án có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về BVMT kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp BVMT, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.
